

Số: 03 /PGDDĐT  
V/v thực hiện công tác huy động  
học sinh ra lớp năm học  
2023-2024

Mỹ Xuyên, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường MN, TH và THCS trong huyện.

Thực hiện Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Xuyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 (lĩnh vực Giáo dục);

Căn cứ tình hình thực tế tại các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên,

Phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ chỉ tiêu huy động học sinh ra lớp đối với bậc học mầm non, cấp tiểu học và trung học cơ sở năm học 2023-2024; chỉ tiêu phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2023

(Có 4 Phụ lục kèm theo)

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương và phụ huynh học sinh tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp theo chỉ tiêu được giao. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo để cùng giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BLĐ và CV Phòng GD&ĐT;
- Lưu: Phòng GD&ĐT.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
  
**Nguyễn Thị Xuân Hương**

UBND HUYỆN MỸ XUYỀN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1

**GIÁO CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024  
BẬC HỌC MẦM NON**

(kèm theo Công văn số 03 /PGDDT ngày 05/01/2023 của Phòng GD&ĐT)

| STT | Đơn vị            | Nhà trẻ    | Mẫu giáo     | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------|--------------|---------|
| 1   | MN Sơn Ca         | 60         | 500          |         |
| 2   | MN 1/6 xã Đại Tâm | 25         | 420          |         |
| 3   | MN 2-9 Đại Tâm    | 25         | 270          |         |
| 4   | MN Thanh Phú      | 25         | 820          |         |
| 5   | MN Thanh Quới     | 25         | 580          |         |
| 6   | MN Gia Hòa 1      | 25         | 240          |         |
| 7   | MN Gia Hòa 2      | 25         | 260          |         |
| 8   | MN Hòa Tú 1       | 50         | 340          |         |
| 9   | MN Hoa Hồng       | 40         | 330          |         |
| 10  | MN Ngọc Đông      | 25         | 360          |         |
| 11  | MN Ngọc Tổ        | 25         | 270          |         |
| 12  | MN Tham Đôn       | 25         | 390          |         |
| 13  | MN Bông Sen       | 25         | 360          |         |
| 14  | Thực hành Sư Phạm |            | 360          |         |
|     | <b>Cộng</b>       | <b>400</b> | <b>5.500</b> |         |

UBND HUYỆN MỸ XUYÊN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 2

**GIÁO CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024  
CẤP TIỂU HỌC**

(kèm theo Công văn số 03 /PGDDĐT ngày 05/01/2023 của Phòng GD&ĐT)

| STT  | TÊN TRƯỜNG        | Chỉ tiêu  | Ghi chú |
|------|-------------------|-----------|---------|
|      |                   | 2023-2024 |         |
| 1    | TH. Mỹ Xuyên 1    | 860       |         |
| 2    | TH. Mỹ Xuyên 2    | 640       |         |
| 3    | TH. Đại Tâm 1     | 580       |         |
| 4    | TH. Đại Tâm 2     | 395       |         |
| 5    | TH. Đại Tâm 3     | 570       |         |
| 6    | TH. Thạnh Phú 1   | 880       |         |
| 7    | TH. Thạnh Phú 2   | 510       |         |
| 8    | TH. Thạnh Phú 3   | 680       |         |
| 9    | TH. Thạnh Quới 1  | 340       |         |
| 10   | TH. Thạnh Quới 2  | 280       |         |
| 11   | TH. Thạnh Quới 3  | 770       |         |
| 12   | TH. Gia Hòa 1A    | 640       |         |
| 13   | TH. Gia Hòa 2A    | 520       |         |
| 14   | TH. Hòa Tú 1B     | 755       |         |
| 15   | TH. Hòa Tú 2A     | 333       |         |
| 16   | TH. Hòa Tú 2B     | 570       |         |
| 17   | TH. Ngọc Đông 1   | 385       |         |
| 18   | TH. Ngọc Đông 2   | 355       |         |
| 19   | TH. Ngọc Tổ 1     | 300       |         |
| 20   | TH. Ngọc Tổ 2     | 440       |         |
| 21   | TH. Tham Đôn 2    | 385       |         |
| 22   | TH. Tham Đôn 3    | 740       |         |
| 23   | TH. Tham Đôn 4    | 500       |         |
| 24   | Thực hành Sư phạm | 850       |         |
| CỘNG |                   | 13.278    |         |

UBND HUYỆN MỸ XUYÊN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 3

**GIAO CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024**  
**CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(kèm theo Công văn số 03 /PGDĐT ngày 05/01/2023 của Phòng GD&ĐT)

| STT  | TÊN TRƯỜNG          | Chỉ tiêu  | Ghi chú |
|------|---------------------|-----------|---------|
|      |                     | 2023-2024 |         |
| 1    | THCS Mỹ Xuyên       | 1.265     |         |
| 2    | THCS Đại Tâm        | 963       |         |
| 3    | THCS Thạnh Phú      | 1.265     |         |
| 4    | THCS Thạnh Quới     | 700       |         |
| 5    | THCS Gia Hòa 1      | 344       |         |
| 6    | THCS Gia Hòa 2      | 334       |         |
| 7    | THCS Hòa Tú 1       | 605       |         |
| 8    | THCS Hòa Tú 2       | 586       |         |
| 9    | THCS Ngọc Đông      | 342       |         |
| 10   | THCS Ngọc Tố        | 552       |         |
| 11   | THCS Tham Đôn       | 590       |         |
| 12   | PTDTNT Mỹ Xuyên     | 260       |         |
| 13   | Thực hành Sư phạm   | 570       |         |
| 14   | TPDTNT THCS&THPT TP | 260       |         |
| CỘNG |                     | 8.636     |         |

UBND HUYỆN MỸ XUYỀN  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 4

**GIÁO CHỈ TIÊU PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2023**

(kèm theo Công văn số 03 /PGDDĐT ngày 05/01/2023 của Phòng GD&ĐT

| Stt                          | TÊN TRƯỜNG      | Chỉ tiêu 2023        |            | Ghi chú |
|------------------------------|-----------------|----------------------|------------|---------|
|                              |                 | XMC                  | PCGD TH    |         |
| 1                            | TH Mỹ Xuyên 1   | 5                    |            |         |
| 2                            | TH Mỹ Xuyên 2   |                      | 10         |         |
| 3                            | TH Đại Tâm 1    |                      | 5          |         |
| 4                            | TH Đại Tâm 2    |                      | 5          |         |
| 5                            | TH Đại Tâm 3    | 5                    |            |         |
| 6                            | TH Thanh Phú 1  | 5                    |            |         |
| 7                            | TH Thanh Phú 2  |                      | 5          |         |
| 8                            | TH Thanh Phú 3  | 5                    |            |         |
| 9                            | TH Thanh Quới 1 | 5                    |            |         |
| 10                           | TH Thanh Quới 2 |                      | 5          |         |
| 11                           | TH Thanh Quới 3 | 5                    |            |         |
| 12                           | TH Gia Hòa 1A   | 5                    | 5          |         |
| 13                           | TH Gia Hòa 2A   | 5                    | 5          |         |
| 14                           | TH Hòa Tú 1B    | 5                    | 5          |         |
| 15                           | TH Hòa Tú 2A    | 5                    |            |         |
| 16                           | TH Hòa Tú 2B    |                      | 10         |         |
| 17                           | TH Ngọc Đông 1  | 5                    |            |         |
| 18                           | TH Ngọc Đông 2  |                      | 5          |         |
| 19                           | TH Ngọc Tổ 1    | 5                    |            |         |
| 20                           | TH Ngọc Tổ 2    |                      | 5          |         |
| 21                           | TH Tham Đôn 2   | 5                    |            |         |
| 22                           | TH Tham Đôn 3   |                      | 5          |         |
| 23                           | TH Tham Đôn 4   | 5                    |            |         |
| <b>CỘNG</b>                  |                 | <b>70</b>            | <b>70</b>  |         |
| <b>PHỔ CẬP GIÁO DỤC THCS</b> |                 | <b>Chỉ tiêu 2023</b> |            |         |
| 1                            | THCS Mỹ Xuyên   |                      | 20         |         |
| 2                            | THCS Đại Tâm    |                      | 20         |         |
| 3                            | THCS Thanh Phú  |                      | 20         |         |
| 4                            | THCS Thanh Quới |                      | 20         |         |
| 5                            | THCS Gia Hòa 1  |                      | 15         |         |
| 6                            | THCS Gia Hòa 2  |                      | 15         |         |
| 7                            | THCS Hòa Tú 1   |                      | 20         |         |
| 8                            | THCS Hòa Tú 2   |                      | 20         |         |
| 9                            | THCS Ngọc Đông  |                      | 15         |         |
| 10                           | THCS Ngọc Tổ    |                      | 15         |         |
| 11                           | THCS Tham Đôn   |                      | 20         |         |
| <b>CỘNG</b>                  |                 |                      | <b>200</b> |         |

Mỹ Xuyên, ngày 03 tháng 01 năm 2022

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 HUYỆN MỸ XUYỀN  
LĨNH VỰC GIÁO DỤC

(Theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023)

| STT | NỘI DUNG                    | Tổng số | Chỉ tiêu huy động học sinh các xã, thị trấn năm 2023 |          |         |           |            |           |           |           |         |          |          | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|---------|------------------------------------------------------|----------|---------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|---------|----------|----------|---------|
|     |                             |         | TT M.Xuyên                                           | Tham Đôn | Đại Tâm | Thanh Phú | Thanh Quới | Gia Hòa 1 | Gia Hòa 2 | Ngọc Đông | Ngọc Tố | Hòa Tú 1 | Hòa Tú 2 |         |
| 1.1 | Học sinh đầu năm học        | 31.529  | 6.740                                                | 3.015    | 3.248   | 5.460     | 2.695      | 1.249     | 1.139     | 1.467     | 2.162   | 2.495    | 1.859    |         |
| -   | Mẫu giáo, nhà trẻ           | 5.900   | 920                                                  | 800      | 740     | 845       | 605        | 265       | 285       | 385       | 295     | 390      | 370      |         |
| +   | Nhà trẻ                     | 400     | 60                                                   | 50       | 50      | 25        | 25         | 25        | 25        | 25        | 25      | 50       | 40       |         |
| +   | Mẫu giáo                    | 5.500   | 860                                                  | 750      | 690     | 820       | 580        | 240       | 260       | 360       | 270     | 340      | 330      |         |
| -   | Phổ thông                   | 25.629  | 5.820                                                | 2.215    | 2.508   | 4.615     | 2.090      | 984       | 854       | 1.082     | 1.867   | 2.105    | 1.489    |         |
| -   | Tiểu học                    | 13.278  | 2.350                                                | 1625     | 1.545   | 2.070     | 1.390      | 640       | 520       | 740       | 740     | 755      | 903      |         |
| -   | Trung học cơ sở             | 8.636   | 2.095                                                | 590      | 963     | 1.525     | 700        | 344       | 334       | 342       | 552     | 605      | 586      |         |
| -   | Phổ thông trung học         | 3.715   | 1.375                                                |          |         | 1.020     |            |           |           |           | 575     | 745      |          |         |
| 1.2 | Phổ cập giáo dục tiểu học   | 70      | 10                                                   | 5        | 10      | 5         | 5          | 5         | 5         | 5         | 5       | 5        | 10       |         |
| 1.3 | Phổ cập giáo dục THCS       | 200     | 20                                                   | 20       | 20      | 20        | 20         | 15        | 15        | 15        | 15      | 20       | 20       |         |
| 1.4 | Xoá mù chữ (15 đến 60 tuổi) | 70      | 5                                                    | 10       | 5       | 10        | 10         | 5         | 5         | 5         | 5       | 5        | 5        |         |
| 1.5 | Số trường đạt chuẩn QG      | 02      |                                                      |          |         |           |            | 2         |           |           |         |          |          |         |

Nơi nhận:

- UBND các xã, thị trấn;
- Hiệu trưởng các Trường MN, TH, THCS;
- Lưu: Phòng GD&ĐT.

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
MỸ XUYỀN - T. SÓC TRĂNG  
Nguyễn Thị Xuân Hương